TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN LẠC** **TỈNH HÒA BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2018/DS-ST
Ngày 26-10-2018.
V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN LẠC, TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Cao Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Rừng
Ông Bùi Thanh Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Phương– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình tham gia phiên toà: Ông Đinh Mạnh Cơ - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 14/2018/TLST - DS ngày 22 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp quyền sử dụng đất theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2018/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2018/QĐST-DS ngày 09/10/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Bùi Văn B, sinh năm 1967.
Nơi cư trú: Xóm B, xã Đ, huyện T, tỉnh Hòa Bình.
Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Ông Hà Văn N, sinh năm 1941.
Nơi cư trú: Xóm K, xã Đ, huyện T, tỉnh Hòa Bình.
Vắng mặt tại phiên tòa.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Bùi Văn Đ, sinh năm 1978. Nơi cư trú: xóm K, xã Đ, huyện T, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt tại phiên tòa.

Anh Hà Văn K, sinh năm 1979. Nơi cư trú: xóm K, xã Đ, huyện T, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, nguyên đơn trình bày: Ông Bùi Văn B có thửa đất diện tích 10.000m^2 tại xóm K, xã Đ, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình. Thửa đất số 29, thuộc tờ bản đồ số 3, đã được Ủy ban nhân

dân huyện Tân Lạc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng số O 758xxx, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 457/QSDĐ, cấp ngày 01/4/1996. Quá trình sử dụng, năm 2005 ông B có cho ông Hà Văn N mượn để trồng cây keo với thỏa thuận là khi nào ông B cần sử dụng đất thì ông Hà Văn N phải trả lại đất. Tháng 5 năm 2014, ông B có nhu cầu sử dụng và có yêu cầu ông N trả lại đất. Ông B và ông N có thỏa thuận để cho ông N và con trai ông N là Hà Văn L khai thác hết số cây keo trên đất thì sẽ trả lại đất cho ông B. Tuy nhiên, khai thác hết keo những ông N không chịu trả lại đất cho ông B dẫn đến tranh chấp. Tranh chấp đã được Ủy ban nhân dân xã Đ hòa giải nhưng không thành nên ông Bùi Văn B khởi kiện với yêu cầu ông Hà Văn N phải trả lại phần đất đã mượn thuộc thửa đất số 29, tờ bản đồ số 3. Phần còn lại của thửa đất khoảng 500m^2 thực tế ông Bùi Văn B đang sử dụng.

Phía Bị đơn trình bày: Khoảng từ năm 1981, gia đình ông và gia đình ông Bùi Văn B có cùng khai thác và sử dụng đất chung một quả đồi là đồi C C với diện tích khoảng 3ha. Sau đó hai gia đình chia đôi; mỗi gia đình sử dụng một nửa. Quá trình sử dụng đất gia đình ông cũng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1982 với diện tích đất được cấp là 9.000m^2. Thời gian gần đây do sức khỏe yếu nên ông Hà Văn N cho anh Bùi Văn Đ và Hà Văn K trực tiếp sử dụng. Nay ông Bùi Văn B yêu cầu ông trả lại đất thì ông không đồng ý vì cho rằng đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của ông.

Phía người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Bùi Văn Đ trình bày: Trước đây (không nhỡ rõ thời gian), do gia đình ông Hà Văn N neo người nên ông N có cho anh Đ sử dụng khoảng 5.000m^2 đất tại đồi D thuộc xóm K, xã Đ, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình để trồng sắn. Sau đó anh Đ và ông N trồng chung cây gỗ lim và cây keo theo dự án 661. Năm 2015, thu hoạch cây gỗ lim và cây keo xong, do già yếu nên ông N cho cháu là anh Hà Văn K và anh Đ trồng keo từ đó đến nay. Diện tích trồng keo khoảng 1,3ha. Phía anh Hà Văn K xác nhận có được trồng chung cây keo với anh Đ như anh Đ đã khai. Số lượng cây khoảng 3.000 cây. Nay tranh chấp quyền sử dụng đất xảy ra giữa ông Bùi Văn B ông Hà Văn N thì anh Bùi Văn Đ và anh Hà Văn K không có ý kiến gì về nội dung tranh chấp quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, tài sản trên đất gồm cây keo là tài sản chung của các anh nên khi Tòa án giải quyết, đất thuộc quyền sử dụng của ông Hà Văn N thì các anh không có ý kiến gì vì ông N vẫn tiếp tục cho các anh sử dụng, còn nếu đất thuộc quyền sử dụng của ông Bùi Văn B thì yêu cầu ông B có nghĩa vụ thanh toán trả giá trị cây trên đất cho các anh Bùi Văn Đ và Hà Văn K.

Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án, thửa đất tranh chấp có vị trí tại đồi D thuộc địa phận xóm K, xã Đ, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình. Tứ cận: phía Bắc giáp phần đất đang sử dụng của ông Bùi Văn B, phía Nam

giáp đất hộ ông Bùi Văn L, phía Tây giáp đường dân sinh, phía Đông giáp đất hộ ông Bùi Văn H, phía Đông Bắc giáp đất hộ ông Bùi Văn A. Diện tích thửa đất đo được 10.225,1m^2. Đo theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 106^o, múi chiếu 3^o (Tọa độ các điểm mốc giới đặc trưng: 1-tọa độ x: 2280819.00, y: 415481.00; 2- tọa độ x: 2280843.00, y: 415606.00; 3-tọa độ x: 2280867.79, y: 415641.41; 4- tọa độ x: 2280848.66, y: 415659.89; 5- tọa độ x: 2280772.00, y: 415603.00; 6- tọa độ x: 2280772.00; y: 415561.00; 7- tọa độ x: 2280774.70; y: 415507.66; 8- tọa độ x: 2280765.15, y: 415488.58). Các hộ liền kề có ranh giới rõ ràng và không có tranh chấp. Trên đất có cây keo và 05 ngôi mộ đất của gia đình ông Hà Văn N và 01 ngôi mộ đất của gia đình ông Bùi Văn Đ. Cây keo có đường kính gốc bình quân < 03 cm, số lượng cây các đương sự thống nhất tính theo quy chuẩn do Nhà nước quy định. Theo kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản ngày 30/8/2018 xác định 06 ngôi mộ đất có giá trị 30.000.000 *(Ba mươi triệu)* đồng (5.000.000đ/mộ), cây keo tính theo quy chuẩn là 1650 cây/10.000m^2 x 10.225,1m^2 = 1.687 cây, có giá trị là 21.256.200 *(Hai mươi mốt triệu, hai trăm năm sáu nghìn, hai trăm)* đồng.

Theo kết quả xác minh, vị trí thửa đất tranh chấp trùng khớp với vị trí thửa đất số 29, tờ bản đồ số 3 tại bản đồ địa chính. Thửa đất mang tên người sử dụng là ông Bùi Văn B, có số thứ tự 457, trang 18 Sổ giao đất, giao rừng.

Quá trình thu thập chứng cứ, nguyên đơn giao nộp cho Tòa án Giấy biên nhận do ông Hà Văn N ký nhận ngày 25/4/2014 với nội dung: ông Hà Văn N đồng ý trả lại đất cho ông Bùi Văn B sau khi ông và con trai ông là Hà Văn L khai thác hết số cây keo trên đất. Phía ông Hà Văn N có cung cấp cho Tòa án Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên "Bùi Văn N" có số H 198850, vào sổ cấp giấy chứng nhận số 147 QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện Tân Lạc cấp ngày 01/4/1996 đối với thửa đất số 52, tờ bản đồ số 3, có diện tích 8.000m^2 tại xã Đ, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Bùi Văn L, có số H 198848, vào sổ cấp giấy chứng nhận số 145 QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện Tân Lạc cấp ngày 01/4/1996 đối với thửa đất số 39 có diện tích 10.000m^2 và thửa đất số 53 có diện tích 8.000m^2, cùng thuộc tờ bản đồ số 3. Tuy nhiên, qua xác minh thấy rằng các thửa đất này không nằm đúng tại vị trí đất đang tranh chấp hiện nay.

Tranh chấp nêu trên Tòa án không tiến hành hòa giải được do bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng cố tình vắng mặt và phía nguyên đơn cũng có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải.

Diễn biến tại phiên tòa: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là yêu cầu ông Hà Văn N trả lại toàn bộ phần đất đã chiếm dụng theo đo đạc thực tế tại thửa số 29, tờ bản đồ số 3. Đồng ý trả giá trị tài sản trên đất cho những người có

quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đồng ý vẫn để nguyên các ngôi mộ của các gia đình có trên đất; không yêu cầu di dời.

Phía đại diện Viện kiểm sát nhận định về tố tụng: Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ cho đến khi vụ án được đưa ra xét xử. Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa dân sự sơ thẩm. Đối với các đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng. Bị đơn và những người có quyền lợi liên quan không thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng; đã từ bỏ quyền được tự thỏa thuận, quyền được tham gia phiên họp, phiên tòa, không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án. Về nội dung vụ án: thấy rằng đất tranh chấp phù hợp với vị trí đất đã được cấp giấy chứng nhận cho ông Bùi Văn B. Diện tích đất tranh chấp đã được xem xét, đo đạc xác định vị trí chính xác. Các tài sản trên đất đã được định giá cụ thể. Việc ông Bùi Văn B đồng ý trả giá trị tài sản là cây trên đất cho anh Bùi Văn Đ, Hà Văn K là tự nguyện và hợp lý. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và xem xét quyền lợi thỏa đáng của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Quan hệ pháp luật trong vụ án xác định là Tranh chấp quyền sử dụng đất. Các đương sự đều có nơi cư trú tại huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình nên Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, do bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn cố tình vắng mặt, hơn nữa nguyên đơn có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1, 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được Tòa án triệu tập đến phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ nhất nên Tòa án đã phải hoãn phiên tòa, Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt họ là đúng quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về pháp luật áp dụng:* Do hộ ông Bùi Văn B được cấp đất năm 1996 nên căn cứ, trình tự, thủ tục cấp đất được căn cứ theo các quy định của Luật Đất đai 1993. Tranh chấp quyền sử dụng xảy ra từ năm 2014 nên được điều chỉnh theo quy định tại Luật đất đai 2013.

[3] *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*: Xét đất tranh chấp có vị trí thực tế phù hợp với vị trí đất đã được cấp cho ông Bùi Văn B tại bản đồ địa chính; đúng thửa số 29, thuộc tờ bản đồ số 3, vị trí tại đồi D thuộc địa phận xóm K, xã Đ, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình. Xét giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Bùi Văn B số O 758xxx, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

số 457/QSDĐ, cấp ngày 01/4/1996 là đúng thẩm quyền, trình tự quy định tại khoản 2 Điều 19, khoản 2 Điều 24 Luật Đất đai 1993 nên xác nhận quyền sử dụng đất của ông Bùi Văn B đối với thửa đất số 29, tờ bản đồ số 3 là hợp pháp. Quá trình sử dụng đất ông Bằng có cho bố con ông N (ông N và con là Hà Văn L) sử dụng. Khi có nhu cầu ông B đã đòi lại và ông Hà Văn N đã có văn bản cam kết trả lại đất ngày 25/4/2014. Vì ông Hà Văn N không thực hiện cam kết nên ông Bùi Văn B khởi kiện yêu cầu ông Hà Văn N trả lại đất là có căn cứ. Những giấy chứng nhận do bị đơn cung cấp có số thửa đất, vị trí không đúng thửa đất tranh chấp. Như vậy, việc ông Hà Văn N không đồng ý trả đất cho ông Bùi Văn B vì cho rằng đất thuộc quyền sử dụng của mình là không có căn cứ; việc chiếm dụng đất của ông Hà Văn N là hành vi chiếm hữu, sử dụng tài sản không có căn cứ pháp luật.

[4] *Về diện tích đất:* Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Bùi Văn B là 10.000m^2. Hiện tại ông B sử dụng một phần khoảng 500m^2 và khởi kiện yêu cầu ông N trả lại 9.500m^2. Quá trình xem xét, thẩm định thực tế diện tích đất tranh chấp cụ thể là 10.225,1m^2. Như vậy, có sự chênh lệch diện tích giữa số liệu đo đạc thực tế với số liệu ghi trên Giấy chứng nhận. Tuy nhiên, ranh giới tứ cận thửa đất không thay đổi so với ranh giới tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không có tranh chấp với các hộ liền kề thì diện tích được xác định theo số liệu đo đạc thực tế theo quy định tại khoản 5 Điều 98 Luật Đất đai. Ông Bùi Văn B có quyền đề nghị cơ quan quản lý đất đai cấp đổi Giấy chứng nhận cho phù hợp diện tích thực tế; diện tích đất chênh lệch nhiều hơn không phải nộp tiền sử dụng đất.

[5] *Về tài sản trên đất:* Nguồn gốc tài sản trên đất là cây keo do anh Bùi Văn Đ và Hà Văn K trồng, số lượng cây tính theo quy chuẩn là 1650 cây/10.000m^2 x 10.225,1m^2 = 1.687 cây. 06 ngôi mộ đất (05 ngôi của gia đình ông Hà Văn N và 01 ngôi của nga đình ông Bùi Văn Đ). Các bên đương sự đều thừa nhận, do vậy Hội đồng xét xử xác nhận là sự thật theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố Tụng dân sự. Giá trị số cây được định giá tổng cộng là 21.256.200 *(Hai mươi mốt triệu, hai trăm năm sáu nghìn, hai trăm)* đồng. Xét, đây là tài sản do anh Bùi Văn Đ, Hà Văn K tạo lập với sự đồng ý của ông Hà Văn N; anh Đ và anh K khi trồng cây chưa xác định được đất của ông N hay ông B. Mặt khác ông Bùi Văn B cũng chấp nhận thanh toán giá trị cây trên đất cho các anh Bùi Văn Đ và Hà Văn K. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu thanh toán giá trị cây trên đất của anh Đ và anh K. Đối với 06 ngôi mộ đất nằm trên đất, ông Bùi Văn B đồng ý vẫn để nguyên các ngôi mộ này trên đất, ông Bùi Văn Đ, Hà Văn N cũng không có nhu cầu di chuyển nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về án phí:* Yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí, mức án phí tính theo mức án phí dân sự không có giá ngạch theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Nguyên đơn phải chịu án phí của phần yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được Tòa án chấp nhận.

Các đương sự còn phải chịu chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 19, khoản 2 Điều 24 Luật Đất đai năm 1993; khoản 2 Điều 97, khoản 5 Điều 98, khoản 1, 5 Điều 166 Luật đất đai 2013; khoản 4 Điều 275, 279, 280, 357, 579 và khoản 1 Điều 580 của Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 157, 165, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1, 2 Điều 26; điểm a, khoản 2, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn B đối với ông Hà Văn N; Ông Hà Văn N có nghĩa vụ trả lại cho ông Bùi Văn B diện tích đất đã chiếm dụng tại thửa đất số 29, thuộc tờ bản đồ số 3 tại xóm K, xã Đ, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình, đã được Ủy ban nhân dân huyện Tân Lạc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng số O 758xxx, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 457/QSDĐ, cấp ngày 01/4/1996. Tứ cận: Phía Bắc giáp phần đất đang sử dụng của ông Bùi Văn B, phía Nam giáp đất hộ ông Bùi Văn L, phía Tây giáp đường dân sinh, phía Đông giáp đất hộ ông Bùi Văn H, phía Đông Bắc giáp đất hộ ông Bùi Văn A. Diện tích thửa đất thực tế là 10.225,1m^2.

Tọa độ các điểm mốc giới đặc trưng: 1- tọa độ x: 2280819.00, y: 415481.00; 2- tọa độ x: 2280843.00, y: 415606.00; 3- tọa độ x: 2280867.79, y: 415641.41; 4- tọa độ x: 2280848.66, y: 415659.89; 5- tọa độ x: 2280772.00, y: 415603.00; 6- tọa độ x: 2280772.00; y: 415561.00; 7- tọa độ x: 2280774.70; y: 415507.66; 8- tọa độ x: 2280765.15, y: 415488.58 (Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 106^o, múi chiếu 3^o).

Ông Bùi Văn B có quyền đề nghị cơ quan quản lý đất đai có thẩm quyền cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho phù hợp diện tích đo đạc thực tế.

2. Chấp nhận yêu cầu của anh Bùi Văn Đ và anh Hà Văn K về việc hoàn trả giá trị cây trên đất tranh chấp giữa ông Bùi Văn B và ông Hà Văn N; ông Bùi Văn B có nghĩa vụ hoàn trả cho anh Bùi Văn Đ, anh Hà Văn K giá trị cây bằng tiền là 21.256.200 *(Hai mươi mốt triệu, hai trăm năm sáu nghìn, hai trăm)* đồng. Ông Bùi Văn B được sở hữu toàn bộ 1.687 cây keo anh Bùi Văn Đ và anh Hà Văn K đã trồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Án phí: Ông Hà Văn N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông Bùi Văn B phải chịu 1.062.810 đồng án phí dân sự về việc hoàn trả giá trị cây, được trừ vào 1.400.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số

0004691 ngày 22/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Lạc; ông Bùi Văn B còn được nhận lại số tiền chênh lệch là 337.190 đồng.

4. Chi phí tố tụng:

4.1. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí đo đạc địa chính là 8.000.000 *(Tám triệu)* đồng. Ông Bùi Văn B nhận chịu khoản tiền này. Khoản tiền này ông Bùi Văn B đã nộp tạm ứng nay được khấu trừ xong.

4.2. Chi phí định giá tài sản là 1.000.000 *(Một triệu)* đồng. Ông Bùi Văn B nhận chịu khoản tiền này. Khoản tiền này ông Bùi Văn B đã nộp tạm ứng nay được khấu trừ xong.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Tân Lạc;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Tân Lạc;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Phạm Cao Sơn